



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số: 3641/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Mã ngành: 7510401

Khoa đào tạo: Công nghệ hóa học

Ngành: Công nghệ kỹ thuật hóa học

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 136

Chuyên Ngành: Công nghệ kỹ thuật chuyển đổi sinh khối và tinh chế

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
1. Khối kiến thức cơ bản														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	200101	Triết học Mác Lênin	3	45	45	0	0	0	0	1	1			
2	200102	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	30	30	0	0	0	0	1	1			
3	202108	Toán cao cấp A1	3	45	45	0	0	0	0	1	1			
4	202301	Hóa học đại cương	3	45	45	0	0	0	0	1	1			
5	202304	Thí nghiệm Hóa ĐC	1	30	0	30	0	0	0	1	1			
6	202501	Giáo dục thể chất 1*	1	45	0	0	45	0	0	1	1			
7	202622	Pháp luật đại cương	2	30	30	0	0	0	0	1	1			
8	214103	Tin học đại cương*	3	60	30	30	0	0	0	1	1			
9	200103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0	0	0	0	1	2			
10	200105	Lịch sử Đảng CSVN	2	30	30	0	0	0	0	1	2			
11	200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3	45	45	0	0	0	0	1	2			
12	200202	Quân sự (thực hành)*	3	90	0	90	0	0	0	1	2			
13	202109	Toán cao cấp A2	3	45	45	0	0	0	0	1	2			
14	202502	Giáo dục thể chất 2*	1	45	0	0	45	0	0	1	2			
15	213603	Anh văn 1*	4	60	60	0	0	0	0	1	2			
16	213604	Anh văn 2*	3	45	45	0	0	0	0	2	1	213603		
17	217301	Hóa sinh đại cương	2	30	30	0	0	0	0	2	1			
18	217304	Vi sinh đại cương	2	30	30	0	0	0	0	2	1			
19	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0	0	0	0	4	2			
<i>Cộng</i>			45	810	570	150	90	0	0					

